CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
đã được kiểm toán

Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)
29 Võ Thị Sáu, Phường DaKao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	03 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05 - 06
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	07 - 08
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09 - 09
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ gián tiếp	10 - 10
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kiên Hùng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

Công ty

Công ty Cổ phần Kiên Hùng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1700339752 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp:

Vốn điều lệ: 56.020.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại số 14A, Ấp Tân Điền, Xã Giục Tượng, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang.

Công ty có 1 chi nhánh:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Kiên Hùng - Nhà máy Bột Cá Kiên Hùng
- Địa chỉ Chi nhánh: đặt tại Tổ 8, Ấp An Bình, Xã Bình An, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang.

Công ty con

Công ty Cổ phần Biển Xanh Kiên Giang: được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 17014942 đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 02 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp. Đến ngày 31/12/2014, Công ty đã góp 11.204.160.000 đồng, chiếm 67,78% quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Biển Xanh Kiên Giang.

Công ty TNHH Thủy Sản AOKI được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số 561022000019 ngày 07/12/2012, thay đổi lần đầu ngày 21/08/2013 do Uy Ban Nhân dân Tỉnh Kiên Giang cấp. Đến ngày 31/12/2014, Công ty đã góp 42.955.350.128 đồng, chiếm 51% vốn điều lệ của Công ty TNHH Thủy Sản AOKI.

Nghành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Bán buôn thủy sản; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Sản xuất nước đá; Nhập khẩu máy móc, thiết bị, vật tư, chất phụ gia, hóa chất hydrogen peroxide, chlorine phục vụ cho chế biến thủy sản; Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thuỷ sản; Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.

Kết quả hoạt động

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tình hình tài chính kết thúc cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm:

Ông :	Trần Quốc Dũng	Chủ tịch
Ông :	Dương Công Trịnh	Phó Chủ tịch
Bà :	Lâm Thị Hương Mai	Thành viên
Bà :	Lâm Thị Hương Ngọc	Thành viên
Ông :	Huỳnh Công Luận	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông :	Trần Quốc Dũng	Tổng Giám đốc
Ông :	Dương Công Trịnh	Phó Tổng giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát

Ông :	Trương Tuyến Minh	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà :	Nguyễn Thị Thanh Thúy	Thành viên BKS
Ông :	Ngô Văn Thiện	Thành viên BKS

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2014 cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị **Công Ty Cổ phần Kiên Hùng** phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2014.

Ngày 02 tháng 02 năm 2015
Thay mặt Hội đồng Quản trị
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Trần Quốc Dũng

Ngày 02 tháng 02 năm 2015
TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG

Trần Quốc Dũng

Số : ...33...../BCKT-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo Tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Công Ty Cổ phần Kiên Hùng

Kính gửi: **Hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Kiên Hùng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của **Công ty Cổ phần Kiên Hùng**, được lập ngày 20/01/2015, từ trang 07 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

29 Vo Thi Sau Street, District 1, Ho Chi Minh City
Tel: (08) 3820 5944 - (08) 3820 5947 - Fax: (08) 3820 5942

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **Công ty Cổ phần Kiên Hùng** tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ngày 02 tháng 02 năm 2015

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam
Tổng Giám đốc

Đỗ Khắc Thanh
Số Giấy CNĐKHN
kiểm toán: 0064-2013-142-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Vũ
Số Giấy CNĐKHN
kiểm toán: 0699-2013-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**165.359.600.049**	**124.108.579.504**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	V.01	**48.862.828.843**	**8.605.603.521**
1. Tiền	111		17.641.068.843	8.605.603.521
2. Các khoản tương đương tiền	112		31.221.760.000	
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**5.395.800.000**	
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	5.395.800.000	
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129			
III. Các khoản phải thu	**130**		**68.831.544.847**	**51.419.898.162**
1. Phải thu khách hàng	131		38.645.279.477	26.005.038.479
2. Trả trước cho người bán	132		25.694.015.248	20.694.760.247
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	4.492.250.122	4.870.098.436
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139			
IV. Hàng tồn kho	**140**		**39.641.218.566**	**62.4[illegible]**
1. Hàng tồn kho	141	V.04	39.641.218.566	62.4[illegible]
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**2.628.207.793**	**1.657.865.604**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		785.479.527	621.028.105
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.484.820.821	691.043.026
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154	V.05	61.199.445	224.737.332
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.06	296.708.000	121.057.141
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**122.145.481.588**	**126.624.441.641**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**			
II. Tài sản cố định	**220**		**66.440.102.153**	**70.830.980.319**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	54.967.623.643	58.702.595.391
- Nguyên giá	222		87.738.751.985	83.173.260.827
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	223		(32.771.128.342)	(24.470.665.436)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	11.148.283.247	11.148.283.247
- Nguyên giá	228		11.148.283.247	11.148.283.247
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09	324.195.263	980.101.681
III. Bất động sản đầu tư	**240**			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**54.601.510.128**	**54.601.510.128**
1. Đầu tư vào công ty con	251		11.204.160.000	11.204.160.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		42.955.350.128	42.955.350.128
3. Đầu tư dài hạn khác	258		442.000.000	442.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**1.103.869.307**	**1.191.951.194**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	1.103.869.307	1.191.951.194
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**287.505.081.637**	**250.733.021.145**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A . NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**205.550.406.601**	**177.392.865.472**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**166.737.101.990**	**128.659.139.593**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	158.311.309.802	108.920.031.969
2. Phải trả người bán	312		2.247.197.568	8.626.996.292
3. Người mua trả tiền trước	313			5.913.077.200
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	1.258.537.643	2.176.959.748
5. Phải trả người lao động	315		2.148.585.372	1.681.340.933
6. Chi phí phải trả	316	V.13	643.478.069	146.000.000
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	1.345.880.835	426.729.049
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		782.112.701	768.004.402
II. Nợ dài hạn	**330**		**38.813.304.611**	**48.733.725.870**
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.15	37.962.928.058	47.784.276.330
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		850.376.553	949.449.549
B . VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**81.954.675.036**	**73.340.155.673**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	V.16	**81.954.675.036**	**73.340.155.673**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		56.020.000.000	56.020.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		13.733.773.747	7.234.245.032
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.262.413.246	1.096.349.228
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		852.424.527	686.360.509
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		10.086.063.516	8.303.200.904
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	**430**			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**287.505.081.637**	**250.733.021.145**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu		Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
5. Ngoại tệ các loại	USD		634.947,13	281.085,08

Ngày 20 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Lâm Thị Hương Ngọc	Nguyễn Tấn Đạt	Trần Quốc Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HỦNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	VI.17	**699.359.883.478**	**325.062.885.817**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		337.782.042	197.041.592
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**699.022.101.436**	**324.865.844.225**
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.18	649.145.421.854	295.586.910.456
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**49.876.679.582**	**29.278.933.769**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.19	2.796.201.923	3.384.451.192
7. Chi phí tài chính	22	VI.20	13.525.842.430	10.757.492.474
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23		13.199.750.089	*10.357.514.018*
8. Chi phí bán hàng	24		17.341.141.844	7.395.166.560
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9.893.348.844	9.063.109.13[illegible]
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**11.912.548.387**	**5.447.616.79[illegible]**
11. Thu nhập khác	31		85.297.537	4.672.104.13[illegible]
12. Chi phí khác	32		436.938.604	80[illegible]
13. Lợi nhuận khác	**40**		**(351.641.067)**	**4.672.103.33[illegible]**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**11.560.907.320**	**10.119.720.12[illegible]**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.21	1.573.916.800	863.979.92[illegible]
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(99.072.996)	949.449.54[illegible]
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**10.086.063.516**	**8.306.290.657**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	VI.22	**1.800**	**1.483**

Ngày 20 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Lâm Thị Hương Ngọc	Nguyễn Tấn Đạt	Trần Quốc Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**		**11.560.907.320**	**10.119.720.127**
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		8.300.462.906	4.538.200.284
- Các khoản dự phòng	03			
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(137.720.162)	(44.692.606)
- Chi phí lãi vay	06		13.199.750.089	10.357.514.018
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**		**32.923.400.153**	**24.970.741.823**
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(18.107.198.359)	(12.277.879.906)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		22.783.993.651	(36.645.667.316)
- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(11.261.120.582)	311.933.218
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(76.369.535)	527.057.407
- Tiền lãi vay đã trả	13		(13.199.750.089)	(10.357.514.018)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2.145.198.022)	(3.561.469.985)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.397.435.854)	(2.235.260.130)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**9.520.321.363**	**(39.268.058.907)**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.574.945.764)	(1.531.950.444)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(5.395.800.000)	(12.230.000.000)
4.Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			32.110.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(49.261.510.128)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		137.720.162	44.692.606
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(8.833.025.602)**	**(30.868.767.966)**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		584.528.770.179	364.357.978.222
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(544.958.840.618)	(325.049.786.637)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**39.569.929.561**	**39.308.191.585**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		**40.257.225.322**	**(30.828.635.288)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		**8.605.603.521**	**34.115.261.521**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	VII.23	**48.862.828.843**	**3.286.626.233**

Ngày 20 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Lâm Thị Hương Ngọc	Nguyễn Tấn Đạt	Trần Quốc Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HƯNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kiên Hùng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1700339752 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp:

Vốn điều lệ: 56.020.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại số 14A, Ấp Tân Điền, Xã Giục Tượng, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang.

Công ty có 1 chi nhánh:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Kiên Hùng - Nhà máy Bột Cá Kiên Hùng
- Địa chỉ Chi nhánh: đặt tại Tổ 8, Ấp An Bình, Xã Bình An, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang.

2. Công ty con

Công ty Cổ phần Biển Xanh Kiên Giang: được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1701494214 đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 02 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp. Đến ngày 31/12/2014, Công ty đã góp 11.204.160.000 đồng, chiếm 67,78% quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Biển Xanh Kiên Giang.

Công ty TNHH Thủy Sản AOKI được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số 561022000019 ngày 07/12/2012, thay đổi lần đầu ngày 21/08/2013 do Uy Ban Nhân dân Tỉnh Kiên Giang cấp. Đến ngày 31/12/2014, Công ty đã góp 42.955.350.128 đồng, chiếm 51% vốn điều lệ của Công ty TNHH Thủy Sản AOKI.

3. Ngành nghề kinh doanh:

Bán buôn thủy sản; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Sản xuất nước đá; Nhập khẩu máy móc, thiết bị, vật tư, chất phụ gia, hóa chất hydrogen peroxide, chlorine phục vụ cho chế biến thủy sản; Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thuỷ sản; Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006, Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính và các văn bản pháp lý hướng dẫn bổ sung.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời phát sinh được hạch toán theo tỷ giá thực tế phát sinh của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản hoặc tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở nhiều tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính và được hạch toán bù trừ chênh lệch tăng, giảm số còn lại được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính và không chia cổ tức trên chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ này.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình biến đổi nguyên vật liệu thành thành phẩm.
Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

3.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao, thời gian khấu hao được ước tính như sau: thực hiện theo hướng dẫn tại Thông Tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần luỹ kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Lỗ chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

9. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng lắp đặt

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng lắp đặt làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp xác định khối lượng, giá trị giữa các bên liên quan (xác nhận A-B), không phụ thuộc vào việc đã thu được tiền hay chưa.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:
- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

15. Các bên có liên quan

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch giữa các bên liên quan: Là việc chuyển giao các nguồn lực hay các nghĩa vụ giữa các bên liên quan, không xét đến việc có tính giá hay không.

Việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan đã được chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
- Tiền mặt	644.581.085	101.894.621
- Tiền gửi ngân hàng	16.996.487.758	8.503.708.900
- Các khoản tương đương tiền		
+ Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng Ngân hàng Công thương	31.221.760.000	
Tổng cộng	**48.862.828.843**	**8.605.603.521**

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
- Công ty TNHH Thủy sản Aoki	5.395.800.000	

(*) Cho vay không lãi suất kỳ hạn 12 tháng, kết thúc ngày 23/05/2015.

3. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
- BHXH, BHYT, KPCĐ		5.754.150
- Công ty TNHH Cơ điện Lạnh Việt Phú	219.091.063	90.000.000
- Trung tâm quan trắc TN&MT Kiên Giang		1.445.862.000
- Phải thu Hứa Tuyết Hồng	1.699.051.626	1.699.051.626
- Phải thu Danh Hai	845.202.924	500.000.000
- Phải thu Trần Quốc Hiếu	1.300.000.000	800.000.000
- Phải thu lãi ứng trước tiền hàng Công ty CP Biển xanh Kiên Giang	109.534.052	196.127.660
- Dự thu lãi tiền gửi	110.339.093	
- Phải thu khác	209.031.364	73.800.000
Tổng cộng	**4.492.250.122**	**4.810.595.436**

4. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
- Nguyên liệu, vật liệu	3.197.446.740	13.822.546.165
- Công cụ, dụng cụ	2.337.995.408	1.861.641.506
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang		
- Thành phẩm	34.105.776.418	46.741.024.546
Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho	**39.641.218.566**	**62.425.212.217**

5. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
- Thuế xuất, nhập khẩu nộp thừa	61.199.445	224.737.332

6. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
- Tạm ứng cho nhân viên	296.708.000	121.057.141
- Tài sản thiếu chờ xử lý		
Tổng cộng	**296.708.000**	**121.057.141**

7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	Tài sản khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình							
1. Số dư đầu kỳ	**24.847.373.512**	**53.849.931.129**	**2.400.356.384**	**680.736.966**	**292.410.000**	**1.102.452.836**	**83.173.260.827**
2. Số tăng trong kỳ							
- Mua trong kỳ		1.241.282.240	270.909.091				1.512.191.331
- Đầu tư XDCN hoàn thành	1.271.182.467	1.824.917.360					3.096.099.827
- Tăng khác							
3. Số giảm trong kỳ							
- Chuyển sang BĐS đầu tư							
- Thanh lý, nhượng bán							
- Giảm khác		(42.800.000)					(42.800.000)
4. Số dư cuối kỳ	**26.118.555.979**	**56.873.330.729**	**2.671.265.475**	**680.736.966**	**292.410.000**	**1.102.452.836**	**87.738.751.985**
II. Giá trị hao mòn luỹ kế							
1. Số dư đầu kỳ	**4.594.283.158**	**17.755.980.251**	**612.501.970**	**592.207.648**	**164.480.639**	**751.211.770**	**24.470.665.436**
2. Khấu hao trong kỳ							
- Khấu hao tăng trong kỳ	742.579.655	7.221.738.800	155.312.696	52.352.195	42.643.128	85.836.432	8.300.462.906
- Tăng khác							
3. Giảm trong kỳ							
- Chuyển sang BĐS đầu tư							
- Thanh lý, nhượng bán							
- Giảm khác							
4. Số dư cuối kỳ	**5.336.862.813**	**24.977.719.051**	**767.814.666**	**644.559.843**	**207.123.767**	**837.048.202**	**32.771.128.342**
III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình							
1. Tại ngày đầu kỳ	**20.253.090.354**	**36.093.950.878**	**1.787.854.414**	**88.529.318**	**127.929.361**	**351.241.066**	**58.702.595.391**
2. Tại ngày cuối kỳ	**20.781.693.166**	**31.895.611.678**	**1.903.450.809**	**36.177.123**	**85.286.233**	**265.404.634**	**54.967.623.643**

(*) Nguyên giá TSCĐHH cuối kỳ tài chính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 33.580.000 đồng.

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất không thời hạn	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình		
1. Số dư đầu kỳ	**11.148.283.247**	**11.148.283.247**
2. Số tăng trong kỳ		
3. Số giảm trong kỳ		
4. Số dư cuối kỳ	**11.148.283.247**	**11.148.283.247**
II. Giá trị hao mòn luỹ kế		
1. Số dư đầu kỳ		
2. Khấu hao trong kỳ		
3. Giảm trong kỳ		
4. Số dư cuối kỳ		
III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình		
1. Tại ngày đầu kỳ	**11.148.283.247**	**11.148.283.247**
2. Tại ngày cuối kỳ	**11.148.283.247**	**11.148.283.247**

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
- Mua sắm TSCĐ		641.504.000
- Xây dựng cơ bản	324.195.263	338.597.681
Tổng cộng	**324.195.263**	**980.101.681**

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Số lượng cổ phần	Giá trị	Số lượng cổ phần	Giá trị
- Công ty CP Biển Xanh Kiên Giang(1)	1.120.416	11.204.160.000	1.120.416	11.204.160.000
- Công ty TNHH Thủy Sản AOKI (2)		42.955.350.128		42.955.350.128
- Công ty CP Đầu Tư Hồng Phát (3)	44.200	442.000.000	44.200	442.000.000
Tổng cộng	**1.164.616**	**54.601.510.128**	**1.164.616**	**54.601.510.128**

(1) Trong giai đoạn tài chính Báo cáo này, Công ty đã tiến hành góp vốn thêm vào Công ty cổ phần Biển Xanh Kiên Giang, đến ngày 31/12/2014 giá trị khoản đầu tư này là 11.204.160.000 đồng. Tỷ lệ quyền biểu quyết là 67,78%.

(2) Đây là giá trị vốn góp liên doanh giữa Công ty với Neptune S.A.S (Pháp) theo hợp đồng liên doanh thành lập Công ty TNHH Thủy Sản AOKI ngày 31/07/2013. Đến hết ngày 31/12/2014, Công ty đã góp đủ vốn, chiếm 51% vốn điều lệ.

(3) Theo số liệu trên Báo cáo tài chính do Công ty cổ phần đầu tư Hồng Phát cung cấp đến ngày 31/12/2014, Công ty nắm giữ 442.000.000đ, chiếm 17 % quyền biểu quyết.

11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
- Vay ngắn hạn		
+ NH TMCP Ngoại thương Việt Nam-CN Kiên Giang (*)	35.064.549.000	27.882.601.536
+ NH TMCP Công thương Thương Việt Nam-CN Kiên Giang (**)	123.246.760.802	81.037.430.433
Tổng cộng	**158.311.309.802**	**108.920.031.969**

(*) Theo hợp đồng tín dụng số 0456/14/0091/CT ngày 18/11/2014 có nợ gốc: 37.200$, hợp đồng tín dụng số 0510/14/0181/CT ngày 24/12/2014 có nợ gốc 353.600$, hợp đồng tín dụng số 0437/14/0091/CT ngày 06/11/2014 có nợ gốc 277.000$, hợp đồng tín dụng số 0511/14/0181/CT ngày 24/12/2014 có nợ gốc là 704.000$, lãi suất: 3,8%/năm, kỳ hạn 4 tháng. Và hợp đồng tín dụng số 0333/14/0181/CT ngày 18/08/2014 có nợ gốc 23 tỷ VND, lãi suất 8,3%/năm, kỳ hạn 4 tháng. Tất cả các hợp đồng được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của Công ty CP Kiên Hùng và các cá nhân khác bảo lãnh, với tổng giá trị là 76.957.000.000 đồng. Mục đích: bổ sung vốn thu mua nguyên liệu sản xuất.

(**) Theo hợp đồng tín dụng số 14570006/2014-HĐTDHM/NHCT840 ngày 01/08/2014 và bổ sung ngày 08/12/2014, hạn mức được cấp 200 tỷ, thời hạn hạn mức từ ngày 01/08/2014 đến ngày 10/07/2015, lãi suất từng lần giải ngân, bảo đảm bằng hàng hóa của Công ty CP Kiên Hùng, và 7 hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ 3.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
- Thuế GTGT	28.513.770	433.638.676
- Thuế TNDN	1.070.936.672	1.642.217.894
- Thuế TNCN	159.087.201	101.103.178
Tổng cộng	**1.258.537.643**	**2.176.959.748**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
- Trích chi phí kiểm toán	70.000.000	
- Trích trước chi phí khác	68.500.000	146.000.000
- Dự chi lãi tiền vay	504.978.069	
Tổng cộng	**643.478.069**	**146.000.000**

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
- BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	115.266.302	98.965.049
- Công ty TNHH Bách Khoa Quốc Gia	211.640.000	211.640.000
- Công ty TNHH TM-DV-VT Huỳnh Quốc	409.281.866	
- Công ty TNHH MTV Minh Hải Âu	106.480.000	
- Công ty CP Thái Minh	127.213.594	
- Thù lao Ban kiểm soát	36.000.000	
- Phải trả khác	339.999.073	116.124.000
Tổng cộng	**1.345.880.835**	**426.729.049**

15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
- Vay ngắn hạn		
+ NH TMCP Ngoại thương Việt Nam-CN Kiên Giang (1)	29.922.140.656	35.389.908.830
+ NH TMCP Công thương Thương Việt Nam-CN Kiên Giang (2)	3.040.787.402	4.394.367.500
- Vay ngắn hạn của cá nhân		
+ Trần Duy Đức (3)	2.200.000.000	2.200.000.000
+ Lâm Thị Hương Lan		3.000.000.000
+ Lâm Thị Hương Trinh (4)	2.800.000.000	2.800.000.000
Tổng cộng	**37.962.928.058**	**47.784.276.330**

(1) Đây là khoản vay của Ngân hàng Ngoại thương Kiên Giang để đầu tư xây dựng công trình nhà máy bột cá Kiên Hùng; thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày Bên vay rút khoản vốn đầu tiên; Công ty đã thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay trong tương lai của "Dự án xây dựng nhà máy chế biến bột cá Kiên Hùng".

Và Hợp đồng tính dụng theo dự án đầu tư phát triển số 0378/13/BD01/CT ngày 12/08/2013. Số tiền vay là 30 tỷ đồng. Thời hạn vay 60 tháng. Mục đích vay để góp vốn liên doanh xây dựng nhà máy sản xuất chả cá Surimi. Bảo đảm tiền vay là đất, công trình trên đất, toàn bộ máy móc thiết bị của nhà chế biến thủy sản Kiên Hùng theo hợp đồng bảo đảm 0378B/13/VCB-KH/MMTB ngày 12/08/2013, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và TS gắn liền với đất số 0378B/13/BD01/CT ngày 12/08/2013 và tài sản bên thứ ba.

(2) Đây là khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Kiên Giang để bù đắp và thanh toán chi phí xây dựng, chi phí mua máy móc thiết bị và các chi phí khác có liên quan đến dự án đầu tư xây dựng mở rộng nhà máy bột cá của Công ty Cổ phần Kiên Hùng; thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày 10/06/2010 đến ngày 10/06/2015; Biện pháp đảm bảo nợ vay là tài sản hình thành từ vốn vay.

Và hợp đồng số 1337006/HĐTD ngày 06/06/2013 với số tiền 303 triệu đồng đầu tư hệ thống xử lý nước nhà máy bột cá Kiên Hùng, số 13370005/HĐTD ngày 06/06/2013 với số tiền 1,605 tỷ đồng để đầu tư hệ thống xử lý nước nhà máy chế biến thủy sản Kiên Hùng. Cả 2 hợp đồng có thời hạn vay 72 tháng kể từ ngày ký và bảo đảm bằng tài sản vay.

(3) Đây là khoản vay của Ông Trần Duy Đức để bổ sung vốn đầu tư; thời hạn cho vay từ 09/11/2014 đến 09/03/2016; lãi suất cho vay là 11%/năm.

(4) Đây là khoản vay của Bà Lâm Thị Hương Trinh để bổ sung vốn đầu tư; thời hạn cho vay từ 26/10/2014 đến 26/02/2016; lãi suất cho vay là 11%/năm.

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	**56.020.000.000**	**7.234.245.032**	**1.096.349.228**	**686.360.509**	**-**	**65.036.954.769**
- Tăng vốn trong năm trước						-
- Lợi nhuận tăng trong năm trước					8.306.290.657	8.306.290.657
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi						-
- Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát						-
- Chi khác					(3.089.753)	(3.089.753)
Số dư cuối năm trước	**56.020.000.000**	**7.234.245.032**	**1.096.349.228**	**686.360.509**	**8.303.200.904**	**73.340.155.673**
Số dư đầu kỳ này	**56.020.000.000**	**7.234.245.032**	**1.096.349.228**	**686.360.509**	**8.303.200.904**	**73.340.155.673**
- Lợi nhuận tăng trong kỳ					10.086.063.516	10.086.063.516
- Phân phối lợi nhuận theo NQ ĐHCĐ (*)						-
Quỹ đầu tư phát triển		*6.499.528.715*			*(6.499.528.715)*	-
Quỹ dự phòng tài chính			*166.064.018*		*(166.064.018)*	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu				*166.064.018*	*(166.064.018)*	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi					*(1.411.544.153)*	*(1.411.544.153)*
- Thù lao Ban Kiểm soát					(60.000.000)	(60.000.000)
- Khác						-
Số dư cuối kỳ	**56.020.000.000**	**13.733.773.747**	**1.262.413.246**	**852.424.527**	**10.086.063.516**	**81.954.675.036**

(*) Trích theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2014/NQ-ĐHCĐ ngày 25/01/2014.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 31/12/2014

	Số tiền	*Tỷ lệ góp vốn*
- Vốn góp của Ông Trần Quốc Dũng	26.088.160.000	46,6%
- Vốn góp của Ông Dương Công Trịnh	1.760.000.000	3,1%
- Vốn góp của Bà Lâm Thị Hương Mai	2.000.000.000	3,6%
- Vốn góp của Các cổ đông khác	26.171.840.000	46,7%
Tổng cộng	**56.020.000.000**	**100,0%**

c. Các giao dịch về vốn chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	*Năm trước*
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	56.020.000.000	56.020.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm		
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	56.020.000.000	56.020.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.602.000	5.602.000
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	5.602.000	5.602.000
+ Cổ phiếu phổ thông	*5.602.000*	*5.602.000*
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại		
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.602.000	5.602.000
+ Cổ phiếu phổ thông	*5.602.000*	*5.602.000*
+ Cổ phiếu ưu đãi		

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
- Quỹ đầu tư phát triển	13.733.773.747	7.234.245.032
- Quỹ dự phòng tài chính	1.262.413.246	1.096.349.228
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	852.424.527	686.360.509

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DO

17. DOANH THU

	Năm nay	*Năm trước*
- Doanh thu bán thành phẩm đông lạnh	138.282.332.808	64.842.000.171
- Doanh thu bán phế phẩm đông lạnh	104.984.200	126.926.297
- Doanh thu bán bột cá	560.972.566.470	260.093.959.349
Tổng cộng	**699.359.883.478**	**325.062.885.817**

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	*Năm trước*
- Giá vốn của thành phẩm đông lạnh	119.655.542.235	61.432.423.242
- Giá vốn của phế phẩm đông lạnh	104.984.200	126.926.297
- Giá vốn của bột cá	529.384.895.419	234.027.560.917
Tổng cộng	**649.145.421.854**	**295.586.910.456**

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	*Năm trước*
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	137.720.162	44.692.606
- Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	420.603.147	308.452.426
- Lãi chậm trả	2.237.878.614	3.031.306.160
Tổng cộng	**2.796.201.923**	**3.384.451.192**

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	*Năm trước*
- Chi phí lãi vay	13.199.750.089	10.357.514.018
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	201.352.295	346.474.453
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	124.740.046	53.504.003
Tổng cộng	**13.525.842.430**	**10.757.492.474**

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	*Năm trước*
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**11.560.907.320**	**10.119.720.127**
- Các khoản điều chỉnh tăng	*4.476.920.406*	*1.327.815.753*
- Các khoản điều chỉnh giảm		(4.052.986.219)
- Tổng thu nhập chịu Thuế	**16.037.827.726**	**7.394.549.661**
- Thuế TNDN hiện hành	**1.573.916.800**	**863.979.921**
- Thuế TNDN được miễn giảm trong kỳ		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	**1.573.916.800**	**863.979.921**

Ghi chú: (*) Trong năm 2014, Công ty tiếp tục được hưởng ưu đãi về thuế TNDN đối với các dự án đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh hoàn tất trước ngày 31/12/2008 theo quy định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008.

Tại Nhà máy bột cá Kiên Hùng: Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 56121000081 ngày 22 tháng 10 năm 2007 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Kiên Giang cấp thì dự án đầu tư xây dựng nhà máy bột cá Kiên Hùng được hưởng ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp cho 09 năm tiếp theo; ngoài ra dự án còn được hưởng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động. Năm 2008 là năm đầu tiên Dự án được hưởng các ưu đãi này.

Tại Xí nghiệp đông lạnh: Theo nội dung trong các Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, theo quy định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008, lợi nhuận từ Xí nghiệp đông lạnh được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 20% và tiếp tục được hưởng các ưu đãi về miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các dự án thực hiện trước ngày 31/12/2008.

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	*Năm trước*
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	***10.086.063.516***	**8.306.290.657**
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ để phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	**10.086.063.516**	**8.306.290.657**
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.602.000	5.602.000
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	***1.800***	***1.483***

VII. CÁC GIAO DỊCH KHÔNG BẰNG TIỀN ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ VÀ CÁC KHOẢN TIỀN DO DOANH NGHIỆP NẮM GIỮ NHƯNG KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG

23. Trong năm, Công ty không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty Cổ phần Kiên Hùng có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Đối tượng	Quan hệ	Loại giao dịch	Giá trị
Công ty CP Biển Xanh Kiên Giang	Công ty Con	Mua hàng	197.619.226.484
		Lãi chậm trả	2.237.878.614
Công ty TNHH Thủy sản AOKI	Công ty liên doanh	Cho vay vốn hoạt động	5.395.800.000
		Bán hàng	151.252.636

Số dư cuối năm với các bên liên quan trên Bảng cân đối kế toán

Đối tượng	Mã trên BCĐKT	Loại giao dịch	Giá trị
Công ty CP Biển Xanh Kiên Giang	132	Trả trước tiền hàng	25.589.458.411
	135	Nợ lãi chậm trả	109.534.052
	251	Vốn góp	11.204.160.000
Công ty TNHH Thủy sản AOKI	121	Cho vay vốn hoạt động	5.395.800.000
	131	Nợ phải thu	41.565.700
	252	Vốn góp	42.955.350.128
Công ty CP Đầu Tư Hồng Phát	258	Vốn góp	442.000.000

25. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2013 của **Công ty Cổ phần Kiên Hùng** được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam kiểm toán.

Ngày 20 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Lâm Thị Hương Ngọc	Nguyễn Tấn Đạt	Trần Quốc Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG